

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUYỀN HÒA
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 3 - 2024

“V/v: Ly hôn, tranh
chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUYỀN HÓA, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Xuân Minh và bà Trần Thị Phúc Tuệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Linh Chi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình.

Trong ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 06/2024/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị Y, sinh năm 1991;

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn B, xã M, huyện T, tỉnh Quảng Bình, có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh Hà Văn T, sinh năm 1984;

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn B, xã M, huyện T, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 08/01/2024, bản tự khai ngày 25/01/2024 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hoàng Thị Y trình bày: Chị và Hà Văn T đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Quảng Bình vào năm 2011. Sau kết hôn, vợ chồng về chung sống tại nhà bố mẹ anh T ở thôn B, xã M. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 07 năm thì đến năm 2018 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do giữa vợ chồng luôn bất đồng về quan điểm sống, không thấu hiểu cho nhau, anh T không quan tâm đến cuộc sống gia đình nên thường xảy ra sự cãi vã. Vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2022 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Năm 2023, chị đã nộp đơn khởi kiện đến Tòa án để yêu cầu ly hôn anh T nhưng sau khi được Tòa án vận động, hòa giải, chị đã rút đơn khởi kiện để vợ chồng trở lại đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con chung cũng như tạo cơ hội cho anh T khắc phục những thiếu sót. Tuy nhiên, sau khi chị rút đơn, tình cảm giữa chị và anh T

vẫn không được cải thiện, thường xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng thực sự đã hết, cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh **T** không thể tiếp tục nên chị yêu cầu được ly hôn anh **T**.

Về con chung: Chị **Y** thừa nhận vợ, chồng có hai con chung tên là **Hà Hoàng Gia H**, sinh ngày 11/01/2013 và **Hà Duy Tuấn K**, sinh ngày 24/7/2018, hiện các con đang sinh sống cùng chị. Sau ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung, yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 3.000.000 đồng (1.500.000 đồng/con/tháng), kể từ tháng 4 năm 2024 đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị **Y** thừa nhận, vợ chồng tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh **Hà Văn T**: Trong các buổi làm việc và tại phiên tòa anh **Hà Văn T** đều vắng mặt, nhưng trong đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt đề ngày 28/02/2024 gửi Tòa án, anh **T** nêu ý kiến như sau: Do bản thân đang làm việc ở xa cũng như sức khỏe không đảm bảo để trực tiếp đến Tòa án để giải quyết được, nên anh **T** đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt anh. Về nội dung đơn ly hôn của chị **Y**, anh **T** thừa nhận quá trình kết hôn, chung sống và mâu thuẫn của vợ chồng như chị **Y** đã trình bày. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 08 năm, đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Anh và chị **Y** sống ly thân nhau từ đầu năm 2023 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí đối với yêu cầu ly hôn của chị **Y**.

Về con chung: Anh **T** thừa nhận, anh và chị **Y** có hai con chung tên là **Hà Hoàng Gia H**, sinh ngày 11/01/2013 và **Hà Duy Tuấn K**, sinh ngày 24/7/2018, hiện các con đang sinh sống cùng chị **Y**. Sau ly hôn, anh nhất trí giao cả hai con chung cho chị **Y** được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 3.000.000 đồng (1.500.000 đồng/con/tháng).

Về tài sản chung, nợ chung: Anh **T** thừa nhận, vợ chồng tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị **Hoàng Thị Y** khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với anh **Hà Văn T** là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn anh **Hà Văn T** có nơi cư trú tại xã **M**, huyện **T**, tỉnh **Quảng Bình** nên Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về giải quyết, xét xử vắng mặt bị đơn: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần đối với bị đơn anh **Hà Văn T** đến Tòa án để giải quyết vụ án, nhưng anh **T** đều vắng mặt. Ngày 28/02/2024, anh **T** có đơn đề nghị Tòa án

giải quyết, xét xử vắng mặt. Trong văn bản này, anh **T** nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của chị **Y** và đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa, vắng mặt anh **T** nên căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh **T**.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về yêu cầu ly hôn: Theo trình bày và thừa nhận của chị **Y**, anh **T**, thì chị **Y** và anh **T** đăng ký kết hôn tự nguyện tại UBND xã **M**, huyện **T**, tỉnh Quảng Bình vào năm 2011, do đó hôn nhân giữa chị **Y** và anh **T** là hợp pháp. Cuộc sống hôn nhân hạnh phúc được khoảng 07 năm, đến năm 2018, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình, cách sống không hợp nhau, khác biệt về suy nghĩ, quan điểm sống nên thường xảy ra sự cãi vã, bất đồng. Năm 2023, chị **Y** đã làm đơn khởi kiện gửi Tòa án yêu cầu ly hôn anh **T** nhưng sau khi được Tòa án hòa giải, vận động, chị **Y** đã rút đơn ly hôn để đoàn tụ vợ chồng cũng như tạo cơ hội cho anh **T** sửa chữa thiếu sót. Tuy nhiên, sau khi rút đơn tình cảm vợ chồng không được cải thiện, vẫn xảy ra mâu thuẫn, xung đột dẫn đến việc vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2022 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai, làm mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được. Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình quy định "... Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác...". Mục đích của hôn nhân là sự hạnh phúc, vợ chồng cùng chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống và thực hiện nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng con chung... là hợp đạo lý, phù hợp với điều kiện cuộc sống hiện tại của hai bên và quy định của pháp luật. Tuy nhiên, mục đích hôn nhân giữa chị **Y** và anh **T** không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài đến mức trầm trọng không thể khắc phục được. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng, mục đích hôn nhân giữa chị **Y** và anh **T** không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Quá trình giải quyết vụ án, các bên vẫn giữ nguyên quan điểm của mình, nên cần chấp nhận yêu cầu của chị **Y**, xử cho chị **Y** được ly hôn anh **T** là phù hợp với tình trạng hôn nhân giữa hai bên và quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Cả chị **Y** và anh **T** đều thừa nhận vợ chồng có hai con chung tên là Hà Hoàng Gia H, sinh ngày 11/01/2013 và Hà Duy Tuấn K, sinh ngày 24/7/2018, hiện các con đang sinh sống cùng chị **Y**. Sau ly hôn, chị **Y** yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung, yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng (1.500.000 đồng/con/tháng), kể từ tháng 04 năm 2024 đến khi các con đủ 18 tuổi. Anh **T** nhất trí giao hai con chung cho chị **Y** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh nhất trí cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 3.000.000 đồng theo yêu cầu của chị **Y**. Xét hiện các con chung còn nhỏ, trong khoảng thời gian chị **Y**, anh **T** sống ly thân nhau đến nay, con chung đều sinh sống cùng chị **Y** nên cần giao cho chị **Y** được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung nhằm đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống và học tập là phù hợp với điều kiện thực tế của các bên và nguyện vọng của con chung; anh **T** không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung nên phải có nghĩa vụ

cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng (1.500.000 đồng/con/tháng) là phù hợp với các Điều 81, 82, 83, 107 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Cả chị **Y** và anh **T** đều thừa nhận vợ chồng tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Nguyên đơn chị **Y** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; bị đơn anh **T** phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57, Điều 58, Điều 81, 82, 83, 107 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 28; 35, 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Xử cho chị **Hoàng Thị Y** ly hôn anh **Hà Văn T**.

2. Về con chung: Xử giao hai con chung **Hà Hoàng Gia H**, sinh ngày 11/01/2013 và **Hà Duy Tuấn K**, sinh ngày 24/7/2018 cho chị **Hoàng Thị Y** được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh **Hà Văn T** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng (1.500.000 đồng/con/tháng), kể từ tháng 4 năm 2024 đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Anh **Hà Văn T** có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Sau này, vì quyền lợi của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí:

3.1. Án phí ly hôn sơ thẩm: Nguyên đơn chị **Hoàng Thị Y** phải chịu 300.000 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình theo biên lai số 0000017 ngày 11/01/2024 (chị **Hoàng Thị Y** đã nộp đủ án phí).

3.2. Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh **Hà Văn T** phải chịu 300.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị **Hoàng Thị Y** có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 29/3/2024; bị đơn anh **Hà Văn T** vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong

thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Tuyên Hóa;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS huyện Tuyên Hóa;
- UBND xã Mai Hóa, huyện Tuyên Hóa;
(Nơi ĐKKH để ghi chú vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Nguyễn Văn Tuấn